

BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung
MAP LIFE - HẠNH PHÚC

MAP Life - Hạnh Phúc - Sung túc đủ đầy

Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư



THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir (“MAP Life”)

Trụ sở tại: Tầng 6A & tầng 8, tòa nhà Sài Gòn Giải Phóng,
436 – 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh.

Hotline: 1900 6603

Website: map-life.com.vn

Email: dichvukhachhang@map-life.com.vn

Trung tâm dịch vụ khách hàng:

Trụ sở chính: Tầng 6A & tầng 8, tòa nhà Sài Gòn Giải Phóng,
436 – 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ,
TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 9, tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng,
23 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, TP. Hà Nội.

*Giấy phép số: 31 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 17/3/2005, điều chỉnh tại Giấy phép số 31/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8/5/2018.
Vốn điều lệ: 2.158 tỷ VNĐ.*

Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe.

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung **MAP Life - Hạnh Phúc**

MAP Life – Hạnh Phúc – Sung túc đủ đầy

Mọi sự thay đổi trong cuộc sống luôn chứa nhiều điều bất ngờ, trong đó có không ít khó khăn thử thách phải vượt qua và cũng có không ít niềm vui hạnh phúc đón chờ bạn. Để giữ cuộc sống luôn cân bằng và ổn định trước những thay đổi này, đòi hỏi bạn luôn phải linh hoạt và chủ động trong mọi tình huống, để những khó khăn không làm bạn nản bước.

Với Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Hạnh Phúc, bạn hoàn toàn có thể tự tin trang bị một nền tảng tài chính vững chắc, bảo vệ bản thân và gia đình trước mọi sự thay đổi trong cuộc sống. Giúp bạn dễ dàng hoàn thành kế hoạch một cách vẹn toàn cho một tương lai tươi sáng và tận hưởng cuộc sống hạnh phúc bình an.

ĐẦU TƯ AN TOÀN

- Hưởng lãi suất ổn định từ Quỹ liên kết chung
- Quyền lợi thưởng đồng hành gắn bó lên đến 90% Phí bảo hiểm cơ bản năm đầu quy năm.
- Quyền lợi quà tặng tri ân đặc biệt lên đến tối đa 360% Phí bảo hiểm cơ bản năm đầu quy năm.
- Quyền lợi đáo hạn bằng toàn bộ Giá trị tài khoản hợp đồng.

CHỦ ĐỘNG LỰA CHỌN KẾ HOẠCH BẢO HIỂM

- Thiết kế linh hoạt với 2 lựa chọn bảo vệ cơ bản và bảo vệ nâng cao.
- Quyền lợi đa dạng, phù hợp nhiều mục tiêu tài chính và bảo vệ.

BẢO VỆ TRỌN VẸN

- Bảo vệ toàn diện trước những rủi ro về tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
- Hỗ trợ chi phí lên đến 10% Số tiền bảo hiểm (không vượt quá 30 triệu đồng) khi khách hàng nộp yêu cầu giải quyết Quyền lợi An tâm hậu sự.
- Gia tăng bảo vệ cho các sự kiện trọng đại mà không cần thẩm định bảo hiểm.

Vui lòng truy cập đường dẫn để biết thêm thông tin:

- Công cụ tính toán và hướng dẫn sử dụng: <https://bangtinhh.map-life.com.vn/MAPLifeHanhPhuc>
- Quy tắc điều khoản sản phẩm: <https://www.map-life.com.vn/product/map-life-hanh-phuc>

TÓM TẮT BẢNG MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG MAP LIFE - HẠNH PHÚC

1. Tóm tắt nội dung

Nội dung	Trang
I. Thông tin chung về Hợp đồng bảo hiểm	4
II. Thông tin chi tiết Hợp đồng bảo hiểm	6
III. Minh họa về phân bổ Phí bảo hiểm và các Quyền lợi bảo hiểm	9
IV. Phí bảo hiểm và các khoản phí của sản phẩm chính	23
V. Mô tả hoạt động của Quỹ liên kết chung	24
VI. Một số điểm cần lưu ý	25
VII. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	25
VIII. Xác nhận của khách hàng và Tư vấn viên	27

2. Tóm tắt Giá trị tài khoản hợp đồng và Quyền lợi bảo hiểm (*)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Năm hợp đồng/ Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm lũy kế	Minh họa ở mức lãi suất đầu tư dự kiến: 4,8%/năm (không đảm bảo)	
		Quyền lợi bảo vệ	Giá trị tài khoản hợp đồng
4/38	80.000.000	1.900.000.000	45.354.000
8/42	160.000.000	1.900.000.000	117.182.000
12/46	240.000.000	1.900.000.000	229.728.000
16/50	300.000.000	1.900.000.000	307.635.000
20/54	300.000.000	1.900.000.000	319.131.000

(*) Minh họa trong trường hợp khách hàng đóng đủ Phí bảo hiểm trong suốt Thời hạn đóng phí dự kiến sản phẩm chính, ở mức lãi suất dự kiến, Giá trị tài khoản hợp đồng của khách hàng sẽ lớn hơn tổng phí đóng của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Hạnh Phúc ở năm hợp đồng thứ 15.

Quyền lợi bảo vệ bao gồm Quyền lợi tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TV/ TTTBVV).

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

1. Thông tin về khách hàng

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Số Giấy tờ tùy thân	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm (BMBH)	Khách Hàng Bảo Hiểm	Nam	30/12/1990	35		
Người được bảo hiểm chính	Khách Hàng Bảo Hiểm	Nam	30/12/1990	35		

2. Tóm tắt về sản phẩm bảo hiểm

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tên sản phẩm	Người được bảo hiểm (NĐBH)	Nhóm nghề	Mức thâm định	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm
SẢN PHẨM CHÍNH						
Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Hạnh Phúc - Lựa chọn cơ bản	Khách Hàng Bảo Hiểm		Chuẩn	65	1.900.000.000	20.000.000

Thời hạn đóng phí cơ bản dự kiến: 15 năm

Thời hạn đóng phí bắt buộc: 4 năm

Định kỳ đóng phí dự kiến: theo Giấy yêu cầu bảo hiểm.

PHÍ BẢO HIỂM THEO ĐỊNH KỲ ĐÓNG PHÍ	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính (a)	20.000.000	10.000.000	5.000.000
Phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm đính kèm (b)	0	0	0
Phí bảo hiểm đóng thêm (c)	0	0	0
Tổng phí bảo hiểm dự kiến của sản phẩm chính và sản phẩm đính kèm (d) = (a) + (b) + (c)	20.000.000	10.000.000	5.000.000

Ghi chú:

- Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Hạnh Phúc là tên gọi thương mại của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung 2024 - Phiên bản phổ thông được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm và ban hành theo quyết định của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir.
- Kể từ Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau khi NĐBH đạt 75 tuổi:
- HĐBH với Lựa chọn nâng cao sẽ được tự động chuyển sang Lựa chọn cơ bản; và
- Nếu NĐBH TV/TTTBVV Công ty sẽ chi trả Giá trị lớn hơn giữa 100% STBH và Giá trị tài khoản cơ bản; Cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm.
- Thời hạn đóng phí bắt buộc của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Hạnh Phúc là 04 năm hợp đồng đầu tiên kể từ Ngày hiệu lực. Sau thời hạn này, khách hàng có quyền linh hoạt đóng phí. Tuy nhiên, khách hàng cần đóng phí đúng như dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.
- Thời hạn bảo hiểm (THBH) của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Hạnh Phúc bằng Thời hạn hợp đồng (THHĐ).
- THBH và Thời hạn đóng phí (THĐP) của (các) sản phẩm đính kèm (nếu có) bằng THHĐ của sản phẩm đó và không vượt quá THBH của sản phẩm chính.
- Phí bảo hiểm hàng năm của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life – Hạnh Phúc trong tài liệu này được hiểu là Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm. Phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm đính kèm được minh họa cho năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm hàng năm của (các) sản phẩm đính kèm có thể thay đổi phụ thuộc vào độ tuổi của khách hàng và/hoặc năm hợp đồng của HĐBH đính kèm.

3. Thông tin về đại lý bảo hiểm

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM TỔ CHỨC				
Tên của tổ chức:			Địa chỉ:	
Nội dung được ủy quyền theo hợp đồng đại lý:		Tiếp thị, quảng bá quảng cáo, giới thiệu, tư vấn, chào bán bảo hiểm, phân phối và bán các sản phẩm bảo hiểm; giới thiệu khách hàng, thu xếp việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm, thu phí bảo hiểm; thu thập hồ sơ để phục vụ giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm; thực hiện các hoạt động khác được quy định rõ trong Hợp Đồng phù hợp với quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.		
Họ và tên Tư vấn viên:		UL2 Test		Mã số đại lý: 60001145
Địa chỉ email của Tư vấn viên:		duong.chuminh@map-life.com.vn		
Số chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm của Tư vấn viên trong tổ chức trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm: CC0123443				

II. THÔNG TIN CHI TIẾT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

1. Tóm tắt Quyền lợi bảo hiểm sản phẩm chính Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

SẢN PHẨM	TÊN QUYỀN LỢI	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN	MÔ TẢ NỘI DUNG QUYỀN LỢI
Dành cho NĐBH chính (Khách Hàng Bảo Hiểm)			
Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Hạnh Phúc	A. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro (đảm bảo)		
	Quyền lợi TV hoặc TTTBVV	TV hoặc TTTBVV trước Ngày kỷ niệm Hợp đồng ngay sau khi NĐBH 75 Tuổi	- Đối với lựa chọn cơ bản: Giá trị lớn hơn giữa (1.900.000.000; Giá trị tài khoản cơ bản) cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có). - Đối với lựa chọn nâng cao: 1.900.000.000 cộng với Giá trị tài khoản cơ bản cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có).
		TV hoặc TTTBVV sau Ngày kỷ niệm Hợp đồng ngay sau khi NĐBH 75 Tuổi	Giá trị lớn hơn giữa (1.900.000.000; Giá trị tài khoản cơ bản) cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có).
	Quyền lợi An tâm hậu sự	Tử vong (Sự kiện TV xảy ra sau 01 năm kể từ Ngày hiệu lực/Ngày khôi phục hiệu lực gần nhất)	Ứng trước lên đến 30.000.000.
	Giới hạn quyền lợi bảo hiểm đối với trẻ em: Trong trường hợp NĐBH TV hoặc bị TTTBVV trước khi tròn bốn (04) tuổi, STBH của Quyền lợi bảo hiểm TV hoặc TTTBVV và Quyền lợi An tâm hậu sự sẽ được điều chỉnh như sau: dưới 01 tuổi: 20%; từ 01 tuổi đến dưới 02 tuổi: 40%; từ 02 tuổi đến dưới 03 tuổi: 60%; từ 03 tuổi đến dưới 04 tuổi: 80%.		
	B. Quyền lợi đầu tư		
	Quyền lợi nhận lãi đầu tư tại mức lãi suất cam kết (đảm bảo)	HĐBH còn duy trì hiệu lực.	Khoản tiền lãi đầu tư sẽ được cộng vào Giá trị tài khoản Cơ bản/ Đóng thêm với mức lãi suất công bố không thấp hơn lãi suất cam kết. Về Quyền lợi đầu tư, phí đem đi đầu tư và chính sách đầu tư được thông tin chi tiết tại mục III và V của tài liệu này.
	Quyền lợi nhận lãi đầu tư tại mức lãi suất dự kiến (không đảm bảo)		

C. Quyền lợi thưởng				
Quyền lợi thưởng đồng hành gắn bó (đảm bảo)	- Phí bảo hiểm (PBH) cơ bản được đóng đầy đủ trong suốt thời hạn xét thưởng; và - Không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong suốt thời hạn xét thưởng; và - Hợp đồng luôn duy trì hiệu lực trong suốt thời hạn xét thưởng và tại thời điểm xét thưởng.	Ngày xét thưởng (Ngày cuối cùng của năm hợp đồng)		Quyền lợi chi trả (Tỷ lệ % PBH cơ bản năm đầu quy năm)
		Thứ 4 (kỳ 1)		6%
		Thứ 8 (kỳ 2)		12%
		Thứ 12 (kỳ 3)		18%
		Thứ 16 (kỳ 4)		24%
		Thứ 20 (kỳ 5)		30%
Quyền lợi quà tặng tri ân đặc biệt (đảm bảo)	- PBH cơ bản được đóng đầy đủ và đúng hạn trong suốt thời hạn xét thưởng; và - Không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong suốt thời hạn xét thưởng; và - Không có giao dịch giảm STBH trong suốt thời hạn xét thưởng; và - Hợp đồng luôn duy trì hiệu lực trong suốt thời hạn xét thưởng và tại thời điểm xét thưởng.	Ngày xét thưởng		
		Quyền lợi chi trả		Ngày cuối cùng của Năm HĐ thứ 10 (kỳ 1)
				Ngày cuối cùng của Năm HĐ thứ 20 (kỳ 2)
		STBH tại Ngày hiệu lực hợp đồng	Dưới 500 triệu đồng	80% Phí bảo hiểm cơ bản năm đầu quy năm
			Từ 500 triệu đồng - dưới 1 tỷ đồng	100% Phí bảo hiểm cơ bản năm đầu quy năm
			Từ 1 tỷ đồng	120% Phí bảo hiểm cơ bản năm đầu quy năm
				240% Phí bảo hiểm cơ bản năm đầu quy năm

D. Quyền lợi khác (đảm bảo)		
Quyền lợi đảm bảo duy trì hiệu lực	Trong Thời hạn đóng phí bắt buộc: - Đóng PBH cơ bản đầy đủ và đúng hạn; và - Không có giao dịch rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản.	Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung này được đảm bảo duy trì hiệu lực kể cả khi Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ trừ khoản Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng.
Quyền lợi gia tăng bảo vệ cho các sự kiện trọng đại	Sự kiện: NĐBH Kết hôn/Sinh con/Nhận con nuôi hợp pháp/Con của NĐBH bắt đầu vào trường cấp 1/2/3, cao đẳng hoặc đại học (Sau Thời hạn đóng phí bắt buộc và trước khi NĐBH đạt 50 Tuổi và trong vòng 180 ngày kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện trên).	Yêu cầu tăng STBH mà không cần thẩm định bảo hiểm (tối đa là 50% và khoản tăng STBH không vượt quá 500 triệu đồng).
Quyền lợi đáo hạn	Vào ngày đáo hạn, Nếu HĐBH còn duy trì hiệu lực.	Giá trị tài khoản hợp đồng

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

1. Minh họa trường hợp khách hàng đóng đủ Phí bảo hiểm dự kiến theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm

a. Minh họa về quyền lợi theo Quy định tại Quy tắc điều khoản sản phẩm bảo hiểm

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết (đảm bảo)						
	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Khoản tiền rút	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1/35	20.000	10.000	1.900.000	-	-	6.468	-
2/36	20.000	14.000	1.900.000	-	-	16.975	975
3/37	20.000	16.000	1.900.000	-	-	29.597	19.597
4/38	20.000	16.000	1.900.000	-	1.200	43.513	35.513
5/39	20.000	16.000	1.900.000	-	-	56.322	51.322
6/40	20.000	19.600	1.900.000	-	-	72.501	70.501
7/41	20.000	19.600	1.900.000	-	-	88.704	88.704
8/42	20.000	19.600	1.900.000	-	2.400	107.311	107.311
9/43	20.000	19.600	1.900.000	-	-	123.555	123.555
10/44	20.000	19.600	1.900.000	-	24.000	163.770	163.770
11/45	20.000	20.000	1.900.000	-	-	180.144	180.144
12/46	20.000	20.000	1.900.000	-	3.600	199.970	199.970
13/47	20.000	20.000	1.900.000	-	-	216.116	216.116
14/48	20.000	20.000	1.900.000	-	-	232.064	232.064
15/49	20.000	20.000	1.900.000	-	-	247.754	247.754
16/50	-	-	1.900.000	-	-	241.404	241.404
17/51	-	-	1.900.000	-	-	234.077	234.077
18/52	-	-	1.900.000	-	-	225.649	225.649
19/53	-	-	1.900.000	-	-	215.952	215.952

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng Bảo Hiểm

Tư vấn viên: UL2 Test - Mã số: 60001145

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:

In lúc: 15:16, ngày 30/12/2025

Thời hạn nộp bảng minh họa về công ty tối đa là: 15:16, ngày 29/01/2026

Trang 9/27

Năm hợp đồng/ Tuổi	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết (đảm bảo)						
	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Khoản tiền rút	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
20/54	-	-	1.900.000	-	-	204.835	204.835
21/55	-	-	1.900.000	-	-	191.166	191.166
22/56	-	-	1.900.000	-	-	175.841	175.841
23/57	-	-	1.900.000	-	-	158.717	158.717
24/58	-	-	1.900.000	-	-	139.630	139.630
25/59	-	-	1.900.000	-	-	118.357	118.357
26/60	-	-	1.900.000	-	-	94.606	94.606
27/61	-	-	1.900.000	-	-	67.998	67.998
28/62	-	-	1.900.000	-	-	38.099	38.099
29/63	-	-	1.900.000	-	-	4.415	4.415

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến (không đảm bảo)						
	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Khoản tiền rút	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1/35	20.000	10.000	1.900.000	-	-	6.572	-
2/36	20.000	14.000	1.900.000	-	-	17.413	1.413
3/37	20.000	16.000	1.900.000	-	-	30.610	20.610
4/38	20.000	16.000	1.900.000	-	1.200	45.354	37.354
5/39	20.000	16.000	1.900.000	-	-	59.282	54.282
6/40	20.000	19.600	1.900.000	-	-	77.293	75.293
7/41	20.000	19.600	1.900.000	-	-	95.792	95.792
8/42	20.000	19.600	1.900.000	-	2.400	117.182	117.182
9/43	20.000	19.600	1.900.000	-	-	136.777	136.777
10/44	20.000	19.600	1.900.000	-	24.000	180.888	180.888
11/45	20.000	20.000	1.900.000	-	-	203.197	203.197
12/46	20.000	20.000	1.900.000	-	3.600	229.728	229.728
13/47	20.000	20.000	1.900.000	-	-	253.490	253.490
14/48	20.000	20.000	1.900.000	-	-	277.914	277.914
15/49	20.000	20.000	1.900.000	-	-	302.989	302.989
16/50	-	-	1.900.000	-	-	307.635	307.635
17/51	-	-	1.900.000	-	-	311.708	311.708
18/52	-	-	1.900.000	-	-	315.089	315.089
19/53	-	-	1.900.000	-	-	317.612	317.612
20/54	-	-	1.900.000	-	-	319.131	319.131
21/55	-	-	1.900.000	-	-	307.622	307.622

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng Bảo Hiểm

Tư vấn viên: UL2 Test - Mã số: 60001145

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:

In lúc: 15:16, ngày 30/12/2025

Thời hạn nộp bảng minh họa về công ty tối đa là: 15:16, ngày 29/01/2026

Trang 11/27 -

Năm hợp đồng/ Tuổi	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến (không đảm bảo)						
	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Khoản tiền rút	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
22/56	-	-	1.900.000	-	-	294.592	294.592
23/57	-	-	1.900.000	-	-	279.913	279.913
24/58	-	-	1.900.000	-	-	263.432	263.432
25/59	-	-	1.900.000	-	-	244.948	244.948
26/60	-	-	1.900.000	-	-	224.191	224.191
27/61	-	-	1.900.000	-	-	200.814	200.814
28/62	-	-	1.900.000	-	-	174.417	174.417
29/63	-	-	1.900.000	-	-	144.548	144.548
30/64	-	-	1.900.000	-	-	110.715	110.715
31/65	-	-	1.900.000	-	-	72.430	72.430
32/66	-	-	1.900.000	-	-	29.167	29.167

Ghi chú:

- Cột 2 (“Tổng Phí bảo hiểm dự kiến”) bao gồm PBH cơ bản và PBH đóng thêm minh họa ở đầu năm hợp đồng.
- Cột 4 (“Quyền lợi tử vong/TTTBVV”), Cột 5 (“Khoản tiền rút”), Cột 6 (“Các khoản thưởng”), Cột 7 (“Giá trị tài khoản hợp đồng”), Cột 8 (“Giá trị hoàn lại”) minh họa ở cuối năm hợp đồng.
- Cột 4 (“Quyền lợi tử vong/TTTBVV”) trước khi chi trả sẽ được khấu trừ Khoản nợ (nếu có) và Quyền lợi An tâm hậu sự đã được Công ty chi trả trước đó (nếu có).
- Cột 6 (“Các khoản thưởng”) bao gồm Quyền lợi thưởng đồng hành gắn bó (nếu có) và Quyền lợi quà tặng tri ân đặc biệt (nếu có). Cột 7 (“Giá trị tài khoản hợp đồng”) đã bao gồm các khoản thưởng này.
- Trong thời gian Hợp đồng duy trì hiệu lực, BMBH có thể yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước Ngày đáo hạn để nhận Giá trị hoàn lại.
- Theo quy định của pháp luật, Lãi suất đầu tư minh họa được đánh giá trên cơ sở lãi suất đầu tư thực tế hàng năm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ tương ứng. Mức lãi suất đầu tư minh họa không vượt quá 7%/năm. Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng Bảo Hiểm

Tư vấn viên: UL2 Test - Mã số: 60001145

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:

In lúc: 15:16, ngày 30/12/2025

Thời hạn nộp bằng minh họa về công ty tối đa là: 15:16, ngày 29/01/2026

Trang 12/27

Trong đó:

- Lãi suất đầu tư cam kết**

Năm hợp đồng	1	2-5	6-10	11-15	16-20	Từ năm thứ 21 trở đi
Lãi suất cam kết tối thiểu (%/năm)	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%	1,5%	1,0%

- Lãi suất đầu tư dự kiến được minh họa như sau:**

- Trong 20 năm hợp đồng đầu tiên: lãi suất đầu tư dự kiến được minh họa là 4,8%/năm.
- Từ năm hợp đồng thứ 21 trở đi: theo quy định của pháp luật thì lãi suất đầu tư dự kiến bằng mức lãi suất đầu tư cam kết.

b. Minh họa chi tiết Phí bảo hiểm và các chi phí

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Mức lãi suất đầu tư cam kết										
	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			PBH đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	PBH cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	PBH đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)
1/35	20.000	-	20.000	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000	526	3.284
2/36	20.000	-	20.000	6.000	-	6.000	14.000	-	14.000	550	3.492
3/37	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	574	3.723
4/38	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	598	3.980
5/39	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	622	4.275
6/40	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	646	4.603
7/41	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	670	4.953
8/42	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	694	5.325
9/43	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	718	5.724
10/44	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	720	6.151
11/45	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	6.504
12/46	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	6.974
13/47	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	7.445
14/48	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	7.960
15/49	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	8.532
16/50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	9.265
17/51	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	10.140
18/52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	11.123
19/53	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	12.257

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng Bảo Hiểm

Tư vấn viên: UL2 Test - Mã số: 60001145

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:

In lúc: 15:16, ngày 30/12/2025

Thời hạn nộp bằng minh họa về công ty tối đa là: 15:16, ngày 29/01/2026

Trang 14/27

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Mức lãi suất đầu tư cam kết										
	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			PBH đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	PBH cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	PBH đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)
20/54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	13.521
21/55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	14.912
22/56	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	16.424
23/57	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	18.061
24/58	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	19.844
25/59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	21.827
26/60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	24.081
27/61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	26.685
28/62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	29.696
29/63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	33.162
30/64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	120	4.296

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Mức lãi suất đầu tư dự kiến										
	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			PBH đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	PBH cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	PBH đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)
1/35	20.000	-	20.000	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000	526	3.284
2/36	20.000	-	20.000	6.000	-	6.000	14.000	-	14.000	550	3.492
3/37	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	574	3.722
4/38	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	598	3.977
5/39	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	622	4.269
6/40	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	646	4.593
7/41	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	670	4.937
8/42	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	694	5.300
9/43	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	718	5.688
10/44	20.000	-	20.000	400	-	400	19.600	-	19.600	720	6.098
11/45	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	6.429
12/46	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	6.867
13/47	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	7.298
14/48	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	7.763
15/49	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	8.273
16/50	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	8.928
17/51	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	9.705
18/52	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	10.570
19/53	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	11.563

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng Bảo Hiểm

Tư vấn viên: UL2 Test - Mã số: 60001145

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:

In lúc: 15:16, ngày 30/12/2025

Thời hạn nộp bằng minh họa về công ty tối đa là: 15:16, ngày 29/01/2026

Trang 16/27

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Mức lãi suất đầu tư dự kiến										
	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			PBH đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	PBH cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	PBH đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)
20/54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	12.661
21/55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	13.902
22/56	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	15.299
23/57	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	16.811
24/58	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	18.456
25/59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	20.285
26/60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	22.362
27/61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	24.761
28/62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	27.533
29/63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	30.723
30/64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	34.370
31/65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	38.461
32/66	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	43.032
33/67	-	-	-	-	-	-	-	-	-	480	28.763

Ghi chú:

Phí rủi ro đã bao gồm Phí rủi ro có điều chỉnh trong trường hợp Bảo hiểm có điều kiện (nếu có).

2. Minh họa trường hợp khách hàng đóng đủ Phí bảo hiểm dự kiến trong Thời hạn đóng phí bắt buộc

a. Minh họa về quyền lợi theo quy định tại Quy tắc điều khoản sản phẩm bảo hiểm

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết (đảm bảo)						
	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Khoản tiền rút	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1/35	20.000	10.000	1.900.000	-	-	6.468	-
2/36	20.000	14.000	1.900.000	-	-	16.975	975
3/37	20.000	16.000	1.900.000	-	-	29.597	19.597
4/38	20.000	16.000	1.900.000	-	1.200	43.513	35.513
5/39	-	-	1.900.000	-	-	39.807	34.807
6/40	-	-	1.900.000	-	-	35.393	33.393
7/41	-	-	1.900.000	-	-	30.425	30.425
8/42	-	-	1.900.000	-	-	24.853	24.853
9/43	-	-	1.900.000	-	-	18.613	18.613
10/44	-	-	1.900.000	-	-	11.674	11.674
11/45	-	-	1.900.000	-	-	3.946	3.946

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng Bảo Hiểm

Tư vấn viên: UL2 Test - Mã số: 60001145

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:

In lúc: 15:16, ngày 30/12/2025

Thời hạn nộp bảng minh họa về công ty tối đa là: 15:16, ngày 29/01/2026

Trang 18/27 -

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến (không đảm bảo)						
	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Khoản tiền rút	Các khoản thưởng	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1/35	20.000	10.000	1.900.000	-	-	6.572	-
2/36	20.000	14.000	1.900.000	-	-	17.413	1.413
3/37	20.000	16.000	1.900.000	-	-	30.610	20.610
4/38	20.000	16.000	1.900.000	-	1.200	45.354	37.354
5/39	-	-	1.900.000	-	-	42.478	37.478
6/40	-	-	1.900.000	-	-	39.050	37.050
7/41	-	-	1.900.000	-	-	35.012	35.012
8/42	-	-	1.900.000	-	-	30.298	30.298
9/43	-	-	1.900.000	-	-	24.827	24.827
10/44	-	-	1.900.000	-	-	18.547	18.547
11/45	-	-	1.900.000	-	-	11.386	11.386
12/46	-	-	1.900.000	-	-	3.247	3.247

Ghi chú:

- Cột 2 (“Tổng Phí bảo hiểm dự kiến”) bao gồm PBH cơ bản và PBH đóng thêm minh họa ở đầu năm hợp đồng.
- Cột 4 (“Quyền lợi tử vong/TTTBVV”), Cột 5 (“Khoản tiền rút”), Cột 6 (“Các khoản thưởng”), Cột 7 (“Giá trị tài khoản hợp đồng”), Cột 8 (“Giá trị hoàn lại”) minh họa ở cuối năm hợp đồng.
- Cột 4 (“Quyền lợi tử vong/TTTBVV”) trước khi chi trả sẽ được khấu trừ Khoản nợ (nếu có) và Quyền lợi An tâm hậu sự đã được Công ty chi trả trước đó (nếu có).
- Cột 6 (“Các khoản thưởng”) bao gồm Quyền lợi thưởng đồng hành gắn bó (nếu có) và Quyền lợi quà tặng tri ân đặc biệt (nếu có). Cột 7 (“Giá trị tài khoản hợp đồng”) đã bao gồm các khoản thưởng này.
- Trong thời gian Hợp đồng duy trì hiệu lực, BMBH có thể yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước Ngày đáo hạn để nhận Giá trị hoàn lại.

- Theo quy định của pháp luật, Lãi suất đầu tư minh họa được đánh giá trên cơ sở lãi suất đầu tư thực tế hàng năm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ tương ứng. Mức lãi suất đầu tư minh họa không vượt quá 7%/năm. Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Trong đó:

- **Lãi suất đầu tư cam kết**

Năm hợp đồng	1	2-5	6-10	11-15	16-20	Từ năm thứ 21 trở đi
Lãi suất cam kết tối thiểu (%/năm)	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%	1,5%	1,0%

- **Lãi suất đầu tư dự kiến được minh họa như sau:**

- Trong 20 năm hợp đồng đầu tiên: lãi suất đầu tư dự kiến được minh họa là 4,8%/năm.
- Từ năm hợp đồng thứ 21 trở đi: theo quy định của pháp luật thì lãi suất đầu tư dự kiến bằng mức lãi suất đầu tư cam kết.

b. Minh họa chi tiết Phí bảo hiểm và các chi phí

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Mức lãi suất đầu tư cam kết										
	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			PBH đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	PBH cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	PBH đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)
1/35	20.000	-	20.000	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000	526	3.284
2/36	20.000	-	20.000	6.000	-	6.000	14.000	-	14.000	550	3.492
3/37	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	574	3.723
4/38	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	598	3.980
5/39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	622	4.309
6/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	646	4.691
7/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	670	5.106
8/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	694	5.554
9/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	718	6.052
10/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.586
11/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	7.156
12/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	360	3.601

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Mức lãi suất đầu tư dự kiến										
	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			PBH đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	PBH cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	PBH đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)
1/35	20.000	-	20.000	10.000	-	10.000	10.000	-	10.000	526	3.284
2/36	20.000	-	20.000	6.000	-	6.000	14.000	-	14.000	550	3.492
3/37	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	574	3.722
4/38	20.000	-	20.000	4.000	-	4.000	16.000	-	16.000	598	3.977
5/39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	622	4.304
6/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	646	4.683
7/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	670	5.095
8/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	694	5.539
9/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	718	6.034
10/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.563
11/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	7.129
12/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	7.748
13/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	300	2.968

Ghi chú:

Phí rủi ro đã bao gồm Phí rủi ro có điều chỉnh trong trường hợp Bảo hiểm có điều kiện (nếu có).

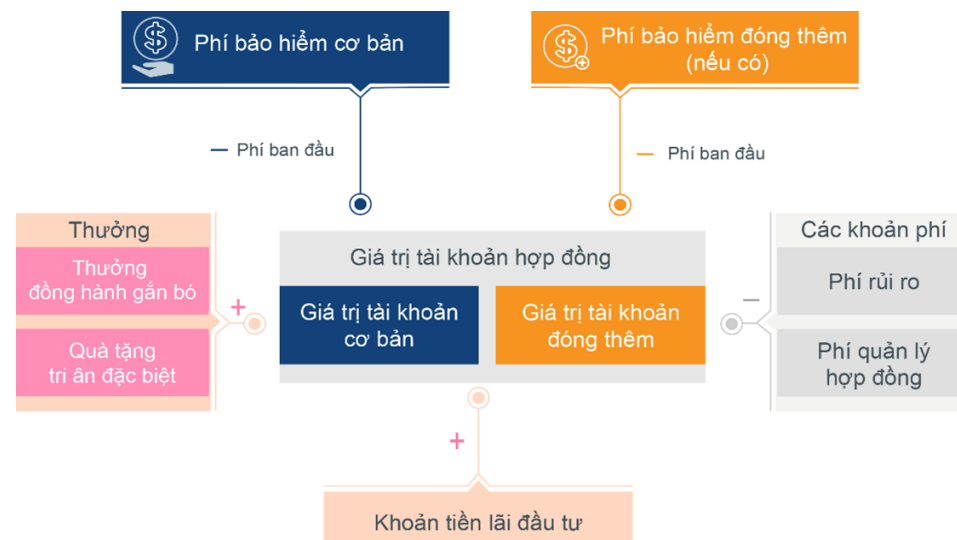
1. **Phí bảo hiểm cơ bản:** là khoản PBH được BMBH lựa chọn tương ứng với STBH phù hợp với Bảng hệ số bảo hiểm.
2. **Phí bảo hiểm đóng thêm:** là khoản PBH do BMBH đóng thêm ngoài PBH cơ bản.
3. **Phí ban đầu:** được dùng để bù đắp chi phí liên quan tới việc khai thác hợp đồng bảo hiểm, chi phí vốn của Công ty. Được khấu trừ theo tỷ lệ phần trăm (%) PBH cơ bản và PBH đóng thêm theo bảng sau:

Phần PBH sau khi khấu trừ phần Phí ban đầu là phần phí đem đi đầu tư và được phân bổ vào Quỹ liên kết chung.

- Đối với Tài khoản cơ bản

- Đối với tài khoản đóng thêm: miễn phí

- ## CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG



V. MÔ TẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. Tóm tắt chính sách đầu tư của Quỹ liên kết chung

- Công ty cam kết đảm bảo mục tiêu đầu tư là mang lại lợi nhuận tối đa có thể với chính sách đầu tư thận trọng, hiệu quả và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.
- Hiện nay, đối với nguồn vốn đầu tư từ Quỹ chủ HĐBH liên kết chung, Công ty đang thực hiện đầu tư chủ yếu vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng.
- Vui lòng tham khảo Chính sách Quỹ liên kết chung tại Điều 20 QTĐK và Báo cáo tình hình hoạt động hàng năm của Quỹ liên kết chung tại: www.map-life.com.vn/service/r/quy-lien-ket-chung

2. Lãi suất công bố trong 5 năm vừa qua của Quỹ liên kết chung

<u>QUỸ LIÊN KẾT CHUNG</u>	<u>Lãi suất công bố (%/năm)</u>	<u>Phí quản lý quỹ</u>
Năm 2021	5,4% - 5,9%	2%
Năm 2022	5,4% - 5,8%	2%
Năm 2023	5,7% - 6,1%	2%
Năm 2024	5,1% - 5,7%	2%
Năm 2025	4,7% - 5,0%	2%

Ghi chú: Lãi suất công bố nêu trên đã được khấu trừ Phí quản lý quỹ (2,0%).

VI. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Việc tham gia sản phẩm đính kèm không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia sản phẩm bảo hiểm này.
- BMBH cần tuân thủ các quy định tại HĐBH để bảo đảm quyền và lợi ích của mình, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin.
- BMBH và NĐBH phải kê khai thông tin đầy đủ, trung thực và thông báo khi có thay đổi các thông tin liên quan đến Hợp đồng. Trường hợp BMBH/NĐBH (hoặc người đại diện theo pháp luật của NĐBH) cố ý cung cấp không đầy đủ thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết HĐBH để được bồi thường, trả tiền bảo hiểm thì Công ty có quyền hủy bỏ HĐBH. Trong trường hợp này, Công ty không phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm và sẽ hoàn lại toàn bộ PBH đã đóng, không có lãi, cho BMBH sau khi trừ đi:
 - Các chi phí khám, xét nghiệm y khoa (nếu có); và
 - Các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán (kể cả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm đính kèm) (nếu có).Ngoài ra, Công ty có quyền yêu cầu BMBH/NĐBH bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).
- Việc giao kết HĐBH là một cam kết dài hạn, việc BMBH hủy bỏ HĐBH có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản tiền phí đã đóng.

VII. LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

1. Các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Công ty sẽ không chi trả quyền lợi bảo hiểm tạm thời, Quyền lợi TV hoặc TTTBVV nếu thuộc bất kỳ một trong những trường hợp sau:

- NĐBH tử vong do tự tử trong thời hạn 02 năm kể từ (i) Ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc (ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy vào ngày nào đến sau. Đối với phần tăng thêm của STBH, thời hạn áp dụng trường hợp loại trừ này là 02 năm kể từ ngày Công ty phát hành văn bản chấp thuận yêu cầu tăng STBH đó;
- NĐBH tử vong do lỗi cố ý của BMBH hoặc lỗi cố ý của Người thụ hưởng, trừ trường hợp quy định tại Mục VII.4 bên dưới;
- NĐBH bị TTTBVV do lỗi cố ý của chính bản thân NĐBH hoặc BMBH hoặc Người thụ hưởng, trừ trường hợp quy định tại Mục VII.4 bên dưới;
- NĐBH tử vong do thi hành án tử hình;
- NĐBH TV hoặc TTTBVV do Bệnh có sẵn (ngoại trừ Bệnh có sẵn có trước đã được kê khai trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, hồ sơ yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng, và được Công ty chấp nhận bảo hiểm);
- NĐBH TV hoặc TTTBVV do tham gia hoạt động đóng thế mạo hiểm, hoạt động thể thao chuyên nghiệp, hoạt động nguy hiểm như: đua ngựa, đua xe, trượt tuyết, trượt băng, leo núi, lặn, nhảy bungee (là hoạt động mạo hiểm nhảy từ một điểm cố định trên cao, chân người nhảy được giữ bằng một sợi dây co giãn), các chuyến bay trên không mà không phải với tư cách là hành khách trên chuyến bay chở khách thương mại thường xuyên theo lịch trình cụ thể của hãng hàng không (ví dụ như dù lượn, khinh khí cầu và nhảy dù), hoặc các hoạt động thám hiểm mạo hiểm;

- g) NĐBH TV hoặc TTTBVV do chiến tranh (có tuyên bố hay không tuyên bố), các hoạt động khủng bố, nổi loạn, phóng xạ hoặc nhiễm phóng xạ (ngoại trừ việc phóng xạ/chiếu xạ theo chỉ định của bác sĩ để điều trị);
- h) NĐBH TV hoặc TTTBVV do điều khiển xe (i) vượt quá tốc độ quy định theo pháp luật về trật tự an toàn, giao thông đường bộ từ 5km/giờ (5 cây số trên 1 giờ) trở lên hoặc (ii) trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá trị số bình thường theo hướng dẫn của Bộ Y tế;
2. Trong trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với quyền lợi bảo hiểm tử vong quy định tại Quyền lợi TV hoặc TTTBVV, Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực và Công ty sẽ trả lại Giá trị tài khoản hợp đồng được xác định vào Ngày phát sinh sự kiện bảo hiểm. Trước khi chi trả cho quyền lợi tại điều này, Công ty sẽ trừ đi:
- Khoản nợ (nếu có); và
 - Quyền lợi An tâm hậu sự mà Công ty đã chi trả (nếu có); và
 - Tất cả các quyền lợi bảo hiểm đã được chi trả từ sau thời điểm NĐBH tử vong (nếu có).
3. Trong trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với quyền lợi TTTBVV như quy định tại Quyền lợi TV hoặc TTTBVV, BMBH có thể tiếp tục đóng phí bảo hiểm để duy trì Hợp đồng. Khi đó, Hợp đồng bảo hiểm vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực và Công ty vẫn chi trả Quyền lợi tử vong nếu NĐBH đáp ứng các điều kiện chi trả theo QTĐK sản phẩm này.
4. Trong trường hợp Hợp đồng có nhiều hơn một Người thụ hưởng và một hoặc một số Người thụ hưởng cố ý gây ra các hành vi phạm tội đối với NĐBH dẫn đến NĐBH TV hoặc TTTBVV, Công ty vẫn chi trả quyền lợi bảo hiểm cho những Người thụ hưởng còn lại theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ đã được chỉ định trong Hợp đồng.

VIII. XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TƯ VẤN VIÊN

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG	XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN
Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi sản phẩm bảo hiểm này, Tôi xác nhận đã được Tư vấn viên có tên và mã số như trong tài liệu này tiến hành phân tích nhu cầu, đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi, Bên mua bảo hiểm, xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia các sản phẩm bảo hiểm nêu trên. Tôi xác nhận đã được giải thích đầy đủ và hiểu rõ nội dung các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được nêu tại mục LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM của Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này. Tôi hiểu rằng việc tham gia sản phẩm bảo hiểm nhân thọ không phải là điều kiện bắt buộc để được thực hiện các hoạt động, dịch vụ tài chính tại tổ chức tín dụng hoặc tổ chức, đơn vị khác. Tôi chắc chắn rằng Hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu Tôi muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, Tôi sẽ liên hệ với Tư vấn viên hoặc MAP Life. ☒ Tôi/chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với các cam kết.	Tôi, Tư vấn viên ký tên dưới đây, cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho Khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm bảo hiểm và nội dung Bảng minh họa này. Tôi cam kết rằng Tôi không tư vấn, giới thiệu, chào bán, thu xếp việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm này cho Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm trong thời hạn 60 ngày trước và 60 ngày sau ngày giải ngân toàn bộ khoản vay của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm. Tôi cam kết rằng Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm tham gia sản phẩm bảo hiểm này không phải là điều kiện bắt buộc để sử dụng các sản phẩm, dịch vụ khác của Tổ chức nơi tôi đang làm việc (là Đại lý bảo hiểm tổ chức của MAP Life). Đồng thời, Tôi cũng cam kết rằng Tổ chức nơi tôi đang làm việc không gán việc bán sản phẩm bảo hiểm này với việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng dưới mọi hình thức. ☒ Tôi/chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với các cam kết.
Chữ ký: <i>Ký, ghi rõ họ tên - đóng dấu công ty nếu là Công ty</i> Họ và tên: Khách Hàng Bảo Hiểm Ngày/tháng/năm: 30/12/2025	Chữ ký: <i>Ký và ghi rõ họ tên</i> Họ và tên: UL2 Test Mã số: 60001145 Ngày/tháng/năm: 30/12/2025

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng Bảo Hiểm
Tư vấn viên: UL2 Test - Mã số: 60001145
Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:
In lúc: 15:16, ngày 30/12/2025
Thời hạn nộp bảng minh họa về công ty tối đa là: 15:16, ngày 29/01/2026
Trang 27/27